TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2025
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Vân.
2. Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1996; tạm trú tại: Khu D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lăng Văn D, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn V, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2024, các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D đăng ký kết hôn ngày 25/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, cho đến khi chị Hoàng Thị N mang thai thì bắt đầu nảy sinh nhiều mẫu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng luôn bất

đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 9 năm 2023, khi chị Hoàng Thị N đi làm giáo viên hợp đồng tại trường Mầm non 2 xã M, vợ chồng lại thường xuyên xảy ra nhiều việc cãi vã hơn do anh Lăng Văn D tự ti, ghen tuông, bực tức; nhiều lần gây sự vô cớ, thậm chí có hành vi chửi mắng, doạ đánh đuổi vợ ra khỏi nhà để yêu cầu chị Hoàng Thị N cùng làm ruộng vườn, hỗ trợ công việc nhà do mẹ bị bệnh nặng.

Mặc dù vợ chồng nhiều lần tìm cách hoá giải mâu thuẫn và được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được; chị Hoàng Thị N cho rằng cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, căng thẳng, lo lắng nên đã tự bỏ về ngoại ở huyện B, sau đó đi làm công nhân, đến tháng 9/2023 mới chính thức đi làm ở trường - thuê nhà trọ ra ngoài sinh sống và ly thân từ tháng 06 năm 2024 cho đến hiện nay. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Lăng Văn D.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu Lăng Ngọc H, sinh ngày 31/7/2019. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Toà án, chị Hoàng Thị N có đề nghị để anh Lăng Văn D nuôi con và thống nhất hoà giải, nhưng sau đó có thay đổi ý kiến, yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh Lăng Văn D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về điều kiện nuôi con: Chị Hoàng Thị N đang làm giáo viên mầm non của trường mầm non 2 xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, thu nhập bình quân 7.800.000 đồng/một tháng; trường hợp sau khi ly hôn, có thể chị sẽ chuyển về huyện B ở cùng nhà của bố mẹ đẻ.

Tại phiên tòa chị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/01 tháng và không yêu cầu lãi xuất chậm trả thi hành án; trường hợp nếu anh Lăng Văn D nuôi con thì chị sẽ tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lăng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc chị Hoàng Thị N trình bày vợ chồng được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc; vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống gia đình luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, thường xuyên cãi vã.

Nguyên nhân do vợ làm giáo viên mầm non, có trình độ - làm công việc nhà nước nên luôn tỏ thái độ coi thường chồng làm nông nghiệp, làm vườn; nhiều khi bỏ bẵng không quan tâm, chăm sóc đến công việc của gia đình. Năm 2019, mẹ anh phát hiện bị ung thư, anh là con trai cả nên phải thực hiện trách nhiệm chăm sóc, đưa đi bệnh viện K, khi trả về chăm sóc thuốc nam tại nhà…rất

vất vả, căng thẳng, tuy nhiên chị Hoàng Thị N không phụ giúp, thậm chí có thái độ thờ ơ không phụ giúp công việc gia đình, chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau bệnh tật; nhiều hành động lời nói thể hiện không muốn gánh chịu khó khăn, sợ chung sống cùng nhau sẽ phải chịu khổ, vất vả. Mặc dù vợ đi làm có lương nhưng không bao giờ nói và chia sẻ với chồng, khi anh hỏi đến thì tìm đủ lý do để thoái thác, từ chối trả lời và thể hiện thái độ khó chịu, không muốn cho biết đến tiền lương hoặc công việc. Trong việc nuôi con, chị Hoàng Thị N tỏ thái độ cực đoan, không cho bố mẹ chồng và chồng chăm sóc con mà luôn ngăn cản, áp đặt mọi người phải làm theo ý kiến của bản thân; không lắng nghe ý kiến góp ý của gia đình, thậm chí thể hiện thái độ bất hợp tác, không tôn trọng.

Gia đình nội ngoại hai bên cũng có khuyên nhủ và hòa giải mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn, va chạm, xích mích, cãi chửi nhau ngày một chồng chất, không thể hoá giải dẫn đến ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc; chị Hoàng Thị N đã chủ động làm đơn xin ly hôn và tự ý bỏ nhà đi ra ngoài thuê ở trọ-ly thân từ tháng 06 năm 2024 cho đến hiện nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay bị đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tồn tại, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài không thể hoá giải nên nhất trí với yêu cầu khởi kiện và đề nghị được ly hôn với chị N.

Về con chung: Khi ly hôn, anh Lăng Văn D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lăng Ngọc H đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi do từ thời điểm vợ chồng ly thân, cháu Lăng Ngọc H vẫn sinh hoạt, học tập cùng bố và ông bà nội. Việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu cũng như việc đưa đi học mẫu giáo từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, bản thân bị đơn xác định cháu Hân vẫn đảm bảo sức khoẻ, tâm sinh lý phát triển bình thường; ngay từ ban đầu khi làm đơn xin ly hôn, chị Hoàng Thị N cũng xác định do điều kiện công việc phải đi làm xa không ổn định, chỗ ở trọ tạm bợ nên đã đề nghị với Toà để anh Lăng Văn D nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng cho cháu 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con chung 18 tuổi. Việc chị Hoàng Thị N cho rằng anh D và gia đình cản trở, không cho chị N thăm gặp con là không đúng sự thật; gia đình anh luôn tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho chị Hoàng Thị N thăm nom, đóng góp công sức nuôi dưỡng miễn là không làm ảnh hưởng đến sức khoẻ và việc học tập của cháu.

Về điều kiện kinh tế: Hiện nay anh Lăng Văn D đang làm chủ một vườn ươm 70 vạn cây giống trên diện tích đất vườn nhà rộng khoảng 05 sào tại thôn V, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; thu nhập bình quân từ việc làm 05 sào vườn ươm = Trung bình 12.000.000 đồng/01 tháng ngoài ra còn thu nhập thêm từ việc trồng đồi cây, cấy ruộng lúa.

Về điều kiện chỗ ở: Sau khi mẹ mất, anh D ở cùng nhà với bố sinh năm

1970 vẫn còn sức khoẻ phụ giúp làm kinh tế và trông giữ, đưa đón cháu đi học; anh là con trai cả, sau có 02 em gái đã đi lấy chồng nên căn nhà này bố anh sẽ để cho anh cùng ở ổn định và giao cho anh quyền sở hữu.

Anh Lăng Văn D không yêu cầu chị Hoàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung; trường hợp chị Hoàng Thị N tự nguyện đóng góp nuôi dưỡng con chung, anh Lăng Văn D không ngăn cản và sẵn sàng đón nhận để cùng nhau đóng góp nuôi dưỡng con trong điều kiện tốt nhất.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng có thẩm quyền thụ lý vụ án, thực hiện thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; việc thu thập tài liệu chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, thực hiện các bước tố tụng trước khi xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

+ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D.

+ Chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D đều có nguyện vọng được nuôi con chung cháu Lăng Ngọc H, sinh ngày 31/7/2019 và trình bày về các điều kiện nuôi con. Xét thấy cháu Lăng Ngọc H là con gái, việc ở cùng mẹ sẽ phù hợp về việc dạy dỗ, tâm lý; do đó để đảm bảo những điều kiện tốt nhất về tâm sinh lý, học hành, điều kiện chăm sóc, đề xuất giao con chung cho nguyên đơn chị Hoàng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Lăng Văn D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/ tháng và có quyền đi lại, thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326 nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Hoàng Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác

định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Lăng Văn D có nơi cư trú tại thôn V, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào các lời khai, trình bày, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập được, có đủ cơ sở để xác định: Chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống bắt nguồn từ trình độ, công việc có sự khác biệt và quan điểm, hành động trong việc chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái, chi phí sinh hoạt chung, phụng dưỡng bố mẹ. Thực tế trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D đều xác định không còn tình cảm, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, kể từ khi ly thân vào tháng 6/2024 cho đến nay.

[3] Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tiến hành khuyên bảo, hóa giải mâu thuẫn, tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên hòa giải ngày 17/12/2024 diễn ra trước khi mở phiên tòa, các đương sự đều nhất trí ly hôn để cả hai được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; tại phiên tòa vợ chồng hoàn toàn tự nguyện, không thay đổi ý kiến Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn.

[4] *Về con chung*: Xét đề nghị của chị Hoàng Thị N về việc nuôi con chung thấy rằng hiện chị đang làm giáo viên hợp đồng (có thời hạn từ ngày 01/9/2024 đến ngày 31/8/2025) tại trường Mầm non 2 xã M, thu nhập bình quân 7.839.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện cơ bản trang trải cuộc sống tuy nhiên đây là công việc theo hợp đồng tạm thời nên chưa thực sự ổn định (trước đó chị N đi làm công nhân ở khu công nghiệp sau đó làm giáo viên hợp đồng). Về điều kiện chỗ ở, hiện chị Hoàng Thị N đang thuê nhà theo hợp đồng thuê phòng trọ ngày 10/10/2024, sau khi ly hôn có thể trở về ở nhà ngoại tại huyện L cách xa về khoảng cách địa lý, nên có thể dẫn đến thay đổi, xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt, học tập ổn định của con chung.

[5] Xét đề nghị của anh Lăng Văn D về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; hiện bị đơn có chỗ ở chung với bố đẻ, công việc làm ruộng, vườn ổn định với mức thu nhập trung bình 12.000.000đ/tháng, đảm bảo nuôi sống bản thân và gia đình. Thực tế từ khi vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc ly thân cho đến nay, người con chung đều ở cùng bố tại thôn V, xã M, do anh Lăng Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo cuộc sống về sức khoẻ, điều kiện học tập, có sự giúp đỡ, hỗ trợ chăm sóc của bố đẻ của anh Lăng Văn D trong việc trông nom, đưa đón cháu Lăng Ngọc H đi học. Thấy rằng, anh Lăng Văn D cơ bản có đủ các điều kiện, khả năng nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung phát triển một cách cơ bản, bình thường như những đứa trẻ khác. Tại biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và hoà giải thành ngày 17/12/2024, chị Hoàng Thị N cũng tự xác định về điều kiện nuôi con phù hợp hơn nên nhất trí để anh Lăng Văn D được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung; hơn nữa hiện chị Hoàng Thị N sinh sống ngay gần nhà trường và hàng ngày vẫn có thể gặp con nên không ảnh hưởng đến việc phụ giúp nuôi dưỡng con chung.

[6] Trên cở sở xem xét các điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung phát triển một cách bình thường như những đứa trẻ khác của vợ chồng sau khi ly hôn; để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, tránh làm thay đổi, xáo trộn môi trường sống ổn định của con chung, cần giao cháu Lăng Ngọc H cho anh Lăng Văn D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; trường hợp người trực tiếp nuôi dưỡng không đảm bảo hoặc gây cản trở thực hiện quyền thăm nom con chung; thì người còn lại có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Phía anh D cũng có ý kiến đề xuất về việc hiện cháu còn bé và điều kiện nuôi con của vợ chưa ổn định nên anh đề nghị được nuôi dưỡng, sau này khi con lớn và cháu muốn ở với mẹ thì phụ thuộc nguyện vọng của cháu. Thực tế bản thân chị Hoàng Thị N không xuất trình được căn cứ chứng minh về việc trong suốt thời gian ly thân anh Lăng Văn D nuôi dưỡng con không tốt hoặc ngăn cản, cấm đoán.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị N trình bày việc trong trường hợp người bố nuôi con thì chị sẽ tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 03 năm 2025 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lăng Văn D nhất trí về yêu cầu cấp dưỡng để vợ chồng cùng có trách nhiệm chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Chị Hoàng Thị N không phải chịu lãi suất chậm trả trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Lăng Văn D không yêu cầu. Xét thấy thỏa thuận của các đượng sự hoàn toàn tự nguyện và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] *Về tài sản chung và khoản nợ chung*: Các đương sự tự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu ½ án phí ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn tự nguyện

chịu phần tiền án phí của bị đơn. Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định để nộp ngân sách nhà nước.

[10] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án, nội dung nào phù hợp với các nhận định nêu trên nên của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lư và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D.

(Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/9/2018).

2. Con chung.

Chị Hoàng Thị N và anh Lăng Văn D có 01 người con chung là cháu Lăng Ngọc H, sinh ngày 31/7/2019.

2.1. Sau khi ly hôn, anh Lăng Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị N về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lăng Ngọc H số tiền 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm đồng/một tháng); thời điểm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu thực hiện kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị N không phải chịu lãi xuất chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng chậm thi hành án (do anh Lăng Văn D không yêu cầu).

3. Tài sản chung, khoản nợ chung.

Các đương sự tự xác định không có và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

4. Án phí.

Chị Hoàng Thị N phải chịu số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp Ngân sách nhà nước

Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu BLTU/23 số 0004883 ngày 11/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; chị Hoàng Thị N phải tiếp tục thi hành nộp số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- UBND xã M, h.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Cường